Đặc tả 11-22

Bảng 11 Đặc tả use case Quản lý chức vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC11 | |
| **Use case** | Quản lý chức vụ | |
| **Ngữ cảnh** | Quản lý chức vụ | |
| **Mô tả** | Tác nhân sử dụng các chức năng quản lý chức vụ của công ty.. | |
| **Tác nhân** | Nhân viên phòng nhân sự | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Quản lý chức vụ | |
| **Điều kiện tiên quyết** | - Người dùng phải vào được ứng dụng.  - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Nhân viên phòng nhân sự quản lý chức vụ thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn tab “Quản lý” trên thanh menu. | 1.1 Hệ thống hiển thị danh sách các chức năng mà người dùng có thể chọn. |
|  | 2. Người dùng chọn chức năng “Chức Vụ”. | 2.1. Hệ thống hiển thị giao diện “Chức Vụ” để người dùng tương tác. |
| **Ngoại lệ** | Không có. | |

Bảng 12 Đặc tả use case Thêm chức vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC12 | |
| **Use case** | Thêm chức vụ | |
| **Ngữ cảnh** | Thêm chức vụ | |
| **Mô tả** | Tác nhân tiến hành thêm một chức vụ mới vào hệ thống. | |
| **Tác nhân** | Nhân viên phòng nhân sự | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Thêm chức vụ | |
| **Điều kiện tiên quyết** | - Người dùng phải vào được ứng dụng.  - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng Thêm một chức vụ mới vào hệ thống. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Trong giao diện “Chức vụ” người dùng ấn nút “Thêm” rồi nhập thông tin vào sau đó nhấn nút “Lưu”. | 1.1 Hệ thống lưu lại thông tin người dùng vừa nhập. |
| **Ngoại lệ** | 1.1a Người dùng bỏ trống ô “Mã Chức Vụ”.  1.1a.1 Hệ thống hiển thị thông báo lỗi.  1.1b Người dùng nhập trùng mã chức vụ với một chức vụ hiện có  1.1b.1 Hệ thống hiển thị yêu cầu người dùng nhập lại. | |

Bảng 13 Đặc tả use case Sửa chức vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC13 | |
| **Use case** | Sửa chức vụ | |
| **Ngữ cảnh** | Sửa chức vụ | |
| **Mô tả** | Tác nhân sửa các chức vụ hiện có trong công ty. | |
| **Tác nhân** | Nhân viên phòng nhân sự | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Sửa chức vụ | |
| **Điều kiện tiên quyết** | - Người dùng phải vào được ứng dụng.  - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng sửa được chức vụ cần sửa. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Trong giao diện “Chức vụ” tác nhân tiến hành chọn chức vụ cần sửa ở bên phải của giao diện. | 1.1 Hệ thống hiển thị thông tin của chức vụ mà người dùng chọn |
| 2. Người dùng tiến hành sửa thông tin cần sửa. |  |
|  | 3. Người dùng ấn nút “Lưu” | 3.1 Hệ thống lưu thông tin mà người dùng vừa sửa. |
| **Ngoại lệ** | 31. Người dùng nhập để ô “Mã Chức Vụ” Trống  3.1.1 Hệ thống hiển thị thông báo lỗi. | |

Bảng 14 Đặc tả use case Xóa chức vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC14 | |
| **Use case** | Xóa chức vụ | |
| **Ngữ cảnh** | Xóa chức vụ | |
| **Mô tả** | Tác nhân xóa một chức vụ hiện có trong công ty. | |
| **Tác nhân** | Nhân viên phòng nhân sự | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Xóa chức vụ | |
| **Điều kiện tiên quyết** | - Người dùng phải vào được ứng dụng.  - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng Xóa được chức vụ cần xóa. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Trong giao diện “Chức vụ” tác nhân tiến hành chọn chức vụ cần xóa ở bên phải của giao diện. | 1.1 Hệ thống hiển thị thông tin của chức vụ mà người dùng chọn |
| 2. Người dùng ấn nút “Xóa” | 2.1 Hệ thống hiển thị thông báo “Bạn thật sự muốn xóa?” |
|  | 3. Người dùng ấn nút “Ok” | 3.1 Hệ thống cập nhật lại chức vụ hiện có. |
| **Ngoại lệ** | 3.1. Người dùng nhấn “Cancel”.  3.1.1 Hệ thống tắt thông báo và không cập nhật gì. | |

Bảng 15 Đặc tả use case Quản lý phòng ban

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC15 | |
| **Use case** | Quản lý phòng ban | |
| **Ngữ cảnh** | Quản lý phòng ban | |
| **Mô tả** | Tác nhân sử dụng các chức năng quản lý phòng ban của công ty.. | |
| **Tác nhân** | Nhân viên phòng nhân sự | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Quản lý phòng ban | |
| **Điều kiện tiên quyết** | - Người dùng phải vào được ứng dụng.  - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Nhân viên phòng nhân sự quản lý phòng ban thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn tab quản lý trên thanh menu. | 1.1 Hệ thống hiển thị danh sách các chức năng mà người dùng có thể chọn. |
|  | 2. Người dùng chọn chức năng “Phòng Ban”. | 2.1. Hệ thống hiển thị giao diện “Phòng ban” để người dùng tương tác. |
| **Ngoại lệ** | Không có. | |

Bảng 16 Đặc tả use case Thêm phòng ban

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC16 | |
| **Use case** | Thêm phòng ban | |
| **Ngữ cảnh** | Thêm phòng ban | |
| **Mô tả** | Tác nhân tiến hành thêm một phòng ban mới vào hệ thống. | |
| **Tác nhân** | Nhân viên phòng nhân sự | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Thêm phòng ban | |
| **Điều kiện tiên quyết** | - Người dùng phải vào được ứng dụng.  - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng Thêm một phòng ban mới vào hệ thống. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Trong giao diện “Chức vụ” người dùng ấn nút “Thêm” rồi nhập thông tin vào sau đó nhấn nút “Lưu”. | 1.1 Hệ thống lưu lại thông tin người dùng vừa nhập. |
| **Ngoại lệ** | * 1. Người dùng bỏ trống các ô thông tin.   1.1.1 Hệ thống hiển thị thông báo lỗi. | |

Bảng 17 Đặc tả use case Sửa phòng ban

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC17 | |
| **Use case** | Sửa phòng ban | |
| **Ngữ cảnh** | Sửa phòng ban | |
| **Mô tả** | Tác nhân sửa các phòng ban hiện có trong công ty. | |
| **Tác nhân** | Nhân viên phòng nhân sự | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Sửa phòng ban | |
| **Điều kiện tiên quyết** | - Người dùng phải vào được ứng dụng.  - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng sửa được phòng ban cần sửa. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Trong giao diện “phòng ban” tác nhân tiến hành chọn phòng ban cần sửa ở bên dưới của giao diện. | 1.1 Hệ thống hiển thị thông tin của phòng ban mà người dùng chọn |
| 2. Người dùng tiến hành sửa thông tin cần sửa. |  |
|  | 3. Người dùng ấn nút “Lưu” | 3.1 Hệ thống lưu thông tin mà người dùng vừa sửa. |
| **Ngoại lệ** | 31. Người dùng bỏ trống các ô thông tin.  3.1.1 Hệ thống hiển thị thông báo lỗi. | |

Bảng 18 Đặc tả use case Xóa phòng ban

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC18 | |
| **Use case** | Xóa phòng ban | |
| **Ngữ cảnh** | Xóa phòng ban | |
| **Mô tả** | Tác nhân xóa một phòng ban hiện có trong công ty. | |
| **Tác nhân** | Nhân viên phòng nhân sự | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Xóa phòng ban | |
| **Điều kiện tiên quyết** | - Người dùng phải vào được ứng dụng.  - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng Xóa được phòng ban cần xóa. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Trong giao diện “Phòng ban” tác nhân tiến hành chọn phòng ban cần xóa ở bên phải của giao diện. | 1.1 Hệ thống hiển thị thông tin của phòng ban mà người dùng chọn |
| 2. Người dùng ấn nút “Xóa” | 2.1 Hệ thống hiển thị thông báo “Bạn thật sự muốn xóa?” |
|  | 3. Người dùng ấn nút “Ok” | 3.1 Hệ thống cập nhật lại chức vụ hiện có. |
| **Ngoại lệ** | 2.1 Người dùng xóa phòng ban còn nhân viên trong phòng ban đó.  2.1.1 Hệ thống hiển thị thông báo “Vui lòng xóa hết nhân viên trong phòng và nhân viên trong hợp đồng trước khi xóa phòng”.  3.1. Người dùng nhấn “Cancel”.  3.1.1 Hệ thống tắt thông báo và không cập nhật gì. | |

Bảng 19 Đặc tả use case Quản lý Bảo hiểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC19 | |
| **Use case** | Quản lý Bảo hiểm | |
| **Ngữ cảnh** | Quản lý Bảo hiểm | |
| **Mô tả** | Tác nhân sử dụng các chức năng quản lý bảo hiểm của công ty.. | |
| **Tác nhân** | Nhân viên phòng nhân sự | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Quản lý Bảo hiểm | |
| **Điều kiện tiên quyết** | - Người dùng phải vào được ứng dụng.  - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Nhân viên phòng nhân sự quản lý bảo hiểm thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn tab quản lý trên thanh menu. | 1.1 Hệ thống hiển thị danh sách các chức năng mà người dùng có thể chọn. |
|  | 2. Người dùng chọn chức năng “Bảo hiểm” | 2.1. Hệ thống hiển thị giao diện “Bảo hiểm” để người dùng tương tác. |
| **Ngoại lệ** | Không có. | |

Bảng 20 Đặc tả use case Thêm Bảo hiểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC20 | |
| **Use case** | Thêm Bảo hiểm | |
| **Ngữ cảnh** | Thêm Bảo hiểm | |
| **Mô tả** | Tác nhân thêm một bảo hiểm mới cho một nhân viên chưa có bảo hiểm. | |
| **Tác nhân** | Nhân viên phòng nhân sự | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Thêm Bảo hiểm | |
| **Điều kiện tiên quyết** | - Người dùng phải vào được ứng dụng.  - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng thêm một bảo hiểm mới cho nhân viên thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Trong giao diện “Bảo hiểm” người dùng chọn nhân viên cần thêm bảo hiểm | 1.1 Hệ thống hiển thị thông tin nhân viên |
|  | 2. Người dùng nhập đầy đủ thông tin vào các ô thông tin sau đó ấn “Lưu”. | 2.1 Hệ thống hiển thị thông báo “Đã Lưu!!” rồi lưu thông tin vào hệ thống |
| **Ngoại lệ** | Không có. | |

Bảng 21 Đặc tả use case Sửa bảo hiểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC21 | |
| **Use case** | Sửa bảo hiểm | |
| **Ngữ cảnh** | Sửa bảo hiểm | |
| **Mô tả** | Tác nhân sửa thông tin bảo hiểm của một nhân viên đã có bảo hiểm. | |
| **Tác nhân** | Nhân viên phòng nhân sự | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Sửa bảo hiểm | |
| **Điều kiện tiên quyết** | - Người dùng phải vào được ứng dụng.  - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng sửa thông tin bảo hiểm thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Trong giao diện “Bảo hiểm” tác nhân tiến hành chọn Nhân viên cần sửa thông tin bảo hiểm ở bên dưới của giao diện. | 1.1 Hệ thống hiển thị thông tin bảo hiểm của nhân viên mà người dùng chọn |
| 2. Người dùng tiến hành sửa thông tin cần sửa. |  |
|  | 3. Người dùng ấn nút “Lưu” | 3.1 Hệ thống lưu thông tin mà người dùng vừa sửa và hiện thông báo “Đã Lưu!!”. |
| **Ngoại lệ** | Không có. | |

Bảng 22 Đặc tả use case Xóa Bảo hiểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC22 | |
| **Use case** | Xóa Bảo hiểm | |
| **Ngữ cảnh** | Xóa Bảo hiểm | |
| **Mô tả** | Tác nhân xóa thông tin bảo hiểm của một nhân viên trong công ty. | |
| **Tác nhân** | Nhân viên phòng nhân sự | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Xóa Bảo hiểm | |
| **Điều kiện tiên quyết** | - Người dùng phải vào được ứng dụng.  - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng xóa thông tin bảo hiểm của nhân viên cần xóa. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Trong giao diện “Bảo hiểm” tác nhân tiến hành chọn Nhân viên cần xóa thông tin bảo hiểm ở bên phải của giao diện. | 1.1 Hệ thống hiển thị thông tin của phòng ban mà người dùng chọn |
| 2. Người dùng ấn nút “Xóa” | 2.1 Hệ thống hiển thị thông báo “Bạn thật sự muốn xóa?” |
|  | 3. Người dùng ấn nút “Ok” | 3.1 Hệ thống cập nhật lại Thông tin bảo hiểm hiện có. |
| **Ngoại lệ** | 3.1. Người dùng nhấn “Cancel”.  3.1.1 Hệ thống tắt thông báo và không cập nhật gì. | |